

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên, nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2024/QH15 và Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13 và Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 786/TTr-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên, nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 172/BC-BPC ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên, nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên, nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Tại mỗi thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố (*gọi chung là bản, tổ dân phố*) được thành lập theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh được thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Căn cứ quy mô số hộ gia đình thường trú tại bản, tổ dân phố, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bố trí như sau:

a) Đối với Tổ dân phố: Dưới 300 hộ (*3 thành viên*); 300 đến dưới 450 hộ (*4 thành viên*), 450 hộ trở lên (*5 thành viên*).

b) Đối với Bản: Dưới 150 hộ (*3 thành viên*); 150 đến dưới 350 hộ (*4 thành viên*), 350 hộ trở lên (*5 thành viên*).

Điều 3. Nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động

1. Mức chi hỗ trợ thường xuyên hằng tháng

a) Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Mức chi hỗ trợ thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế

a) Hỗ trợ 100% số tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện còn lại đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn (*sau khi đã trừ đi mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện*). Không áp dụng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

b) Hỗ trợ 100% số tiền đóng bảo hiểm y tế còn lại đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia bảo hiểm y tế (*sau khi đã trừ đi mức hỗ trợ từ*

ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế). Không áp dụng với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia bảo hiểm y tế thuộc nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc, nhóm do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng và nhóm do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế.

3. Mức chi bồi dưỡng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi được huy động của cấp có thẩm quyền

a) Khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Mức chi: 30.000 đồng/người/ngày.

b) Khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Mức chi: 30.000 đồng/người/ngày.

c) Khi đồng thời thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này thì được bồi dưỡng. Mức chi: 60.000 đồng/người/ngày.

d) Thời gian thụ hưởng: Không quá 05 ngày/người/tháng.

4. Mức chi hỗ trợ một lần đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi cho thôi tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

a) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được cấp có thẩm quyền quyết định cho thôi tham gia lực lượng theo điểm a hoặc điểm b khoản 3 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng tiền tương đương mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng của chức danh trong Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đang hưởng tại thời điểm cho thôi tham gia lực lượng, tương ứng với thời gian liên tục thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 03 tháng.

STT	Thời gian liên tục người hưởng mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ	Mức hỗ trợ được hưởng khi nghỉ việc
1	Dưới 12 tháng	1 tháng
2	Từ đủ 12 tháng đến dưới 18 tháng	1,4 tháng
3	Từ đủ 18 tháng đến dưới 24 tháng	1,8 tháng
4	Từ đủ 24 tháng đến dưới 30 tháng	2,2 tháng
5	Từ đủ 30 tháng đến dưới 36 tháng	2,6 tháng
6	Từ đủ 36 tháng trở lên	3,0 tháng

b) Không áp dụng mức chi hỗ trợ quy định tại khoản này đối với trường hợp cho thôi tham gia lực lượng theo điểm c và điểm d khoản 3 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

c) Trường hợp thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở kiêm nhiệm chức danh khác ở bản, tổ dân phố, khi thôi tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thì chỉ được hưởng mức chi hỗ trợ theo điểm a khoản 4 Điều này, không được hưởng thêm mức hỗ trợ một lần khi thôi thực hiện nhiệm vụ của chức danh kiêm nhiệm.

5. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở kiêm nhiệm chức danh người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 20/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh; mỗi người kiêm nhiệm không quá 01 chức danh.

6. Chính sách cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế, chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, bị chết khi làm nhiệm vụ:

a) Chính sách cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Trong thời gian bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương: Chi phí khám, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ, học viên trong Công an nhân dân theo quy định của Bộ Công an, tối đa không quá 15 ngày/đợt điều trị; nếu hết 15 ngày bệnh vẫn chưa ổn định thì điều trị đến khi ổn định và được hỗ trợ chi trả theo hóa đơn thực tế khám, chữa bệnh nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/đợt điều trị, một năm hỗ trợ tối đa 02 lần (*có hồ sơ bệnh án kèm theo*).

- Mức hỗ trợ tiền ăn hàng ngày trong thời gian điều trị nội trú, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện bằng mức tiền ăn cơ bản của hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ, học viên trong Công an nhân dân theo quy định của Bộ Công an.

b) Chính sách cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Trường hợp bị tai nạn: Chi phí khám, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm xã hội cho hạ sỹ quan, chiến sỹ nghĩa vụ, học viên trong Công an nhân dân;

được hỗ trợ tiền ăn hàng ngày trong thời gian điều trị nội trú theo quy định của Bộ Công an và được hỗ trợ chi trả theo hóa đơn thực tế khám, chữa bệnh nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/đợt điều trị, một năm được hỗ trợ tối đa 02 lần (có hồ sơ bệnh án kèm theo).

- Trường hợp tai nạn dẫn đến chết, kể cả trong thời gian điều trị lần đầu, thì thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng 36 (ba mươi sáu) tháng mức hỗ trợ hiện hưởng; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 10 (mười) tháng mức hỗ trợ hiện hưởng (nếu không thuộc đối tượng hưởng chế độ mai táng phí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội).

7. Kinh phí hỗ trợ hoạt động và chi sửa chữa trang thiết bị, phương tiện 1.000.000 đồng/tổ/năm.

8. Mức chi hỗ trợ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi, bảo đảm điều kiện hoạt động, sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng, các khoản chi khác cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thực hiện theo Thông tư số 40/2023/TT-BTC ngày 09/6/2023 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La và các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương đảm bảo và bố trí trong dự toán chi hằng năm của Công an tỉnh và ngân sách các xã, phường.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thành lập, nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 153/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thành lập, nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La hết hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Từ ngày 01/7/2026 (sau khi thực hiện sắp xếp sáp nhập bản, tổ dân phố) đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực, các thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tại các bản, tổ dân phố đã được cấp có thẩm quyền công nhận tiếp tục được hưởng hỗ trợ thường xuyên hằng tháng theo Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND đối với thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ. Mức hỗ trợ cụ thể như sau: Tổ trưởng: 1.200.000 đồng/người/tháng. Tổ phó: 1.150.000 đồng/người/tháng. Tổ viên: 1.100.000 đồng/người/tháng.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 4 thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tài chính, Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công thuộc Sở Nội vụ;
- Trang thông tin đại biểu dân cử tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, PC (03b).

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng